TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-PT
Ngày 27 tháng 7 năm 2017
V/v: "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chưng

Bà Dương Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị Tuyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc*:** Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2017/QĐPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1971;

Chị Phạm Thị O, sinh năm 1971.

Đều cư trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2016 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày: Ngày 13/3/2016 vợ chồng anh Nguyễn Văn A, chị Phạm Thị O đã chặt phá toàn bộ số cây cối do chị trồng trên diện tích đất ở trước cửa nhà chị thuộc hành lang đường H đi xã Đ. Số cây bị chặt gồm 02 cây lộc vừng, 02 cây sấu, 02 cây xoài, 01 cây xoan lấy gỗ, 01 cây

dâu da xoan, 01 cây đu đủ. Chị yêu cầu anh A, chị O bồi thường cho chị các cây đã bị chặt theo giá khi chị mua cây, và chỉ yêu cầu bồi thường đối với 02 cây lộc vừng mỗi cây 3.100.000đồng, 01 cây ổi trị giá 20.000đồng, 01 cây dâu da xoan trị giá 20.000đồng. Tổng là 6.240.000đồng. Ngoài ra số tiền tạm ứng chi phí định giá là 600.000đồng yêu cầu anh A, chị O phải nộp chi phí này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A và chị Phạm Thị O trình bày: Anh chị xác nhận có chặt số cây như chị Th trình bày là đúng, anh chị chấp nhận bồi thường nhưng không chấp nhận giá như chị Th đưa ra, chỉ chấp nhận bồi thường theo giá của Hội đồng định giá đối với 02 cây lộc vừng, 01 cây ổi và 01 cây dâu da xoan là 900.000đồng. Anh chị chấp nhận trả chi phí định giá mà chị Th đã tạm ứng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng Điều 584, 585, 589 Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án; Pháp lệnh số 02/2012 ngày 28/3/2012 về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu anh Nguyễn Văn A và chị Phạm Thị O bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc anh Nguyễn Văn A, chị Phạm Thị O phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu Th là 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi chậm thi hành án, lệ phí toà án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 05/5/2017 chị Th kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, cho rằng cấp sơ thẩm buộc anh A, chị O bồi thường cho chị là quá thấp, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc anh A chị O phải bồi thường cho chị số tiền 6.740.000đồng. Tại phiên toà, chị Th sửa đổi một phần nội dung đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm buộc anh A, chị O bồi thường số tiền là 6.240.000đồng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, kháng cáo của chị Th được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Chị Th cho rằng giá trị hai cây lộc vừng là 6.200.000đồng (mỗi cây là 3.100.000đồng), tuy nhiên việc buộc anh A, chị O bồi thường thì phải căn cứ vào giá do Hội đồng định giá quyết định tại biên bản định giá tài sản. Sau khi định giá tài sản xong, chị Th không có khiếu nại cũng như không yêu cầu định giá lại. Hơn nữa, anh E là người bán cây cảnh cho chị Th xác định hiện nay giá cây cảnh xuống thấp, những cây của chị Th tại thời điểm này nếu được chăm tốt và tạo tán đẹp thì có giá khảng 1.000.000đồng, nếu không chăm tốt và không có tán đẹp thì giá sẽ thấp hơn (BL 72). Cho nên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ buộc anh A và chị O bồi thường giá trị hai cây lộc vừng cho chị Th là 400.000đồng (theo biên bản định giá ngày 17/3/2017 - BL 62, 63) là có căn cứ. Khi kháng cáo, chị Th cũng không xuất trình thêm được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Đối với cây ổi và cây dâu da xoan, khi khởi kiện chị Th chỉ yêu cầu bồi thường mỗi cây là 20.000đồng nhưng giá do Hội đồng định giá quyết định là 250.000đồng/cây nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giá của Hội đồng định giá để buộc anh A, chị O bồi thường cho chị Th và anh A, chị O không kháng cáo, không khiếu nại về giá nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về số tiền bồi thường hai cây này.

Từ các phân tích trên thì việc cấp sơ thẩm buộc anh A, chị O phải bồi thường cho chị Th tổng cộng 04 cây bị chặt là 900.000đồng là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Th.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Th phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án; Pháp lệnh số 02/2012 ngày 28/3/2012 về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th. Buộc anh Nguyễn Văn A, chị Phạm Thị O phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu Th gồm 02 (Hai) cây lộc vừng mỗi cây có giá trị 200.000đồng;

01 (Một) cây ổi và 01 (Một) cây dâu da xoan mỗi cây có giá trị là 250.000đồng, tổng là 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A, chị O không thanh toán số tiền trên thì anh A, chị O phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Án phí: Anh Nguyễn Văn A và chị Phạm Thị O phải chịu 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 267.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000416 ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Th còn phải nộp tiếp 67.000đồng.

Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 200.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000đồng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000573 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THA DS huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Tòa Dân sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Hùng